

# **Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

# Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 31

# Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 81/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện hành của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay; và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Phước Thành	Chủ tịch	
Ông Trần Văn Bắc	Thành viên	
Ông Tạ Long Hỷ	Thành viên	
Bà Đặng Thị Lan Phương	Thành viên	
Ông Trần Anh Minh	Thành viên	
Ông Trương Đình Quý	Thành viên	
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Ngọc Anh	Thành viên	từ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Mai Thị Kim Hoàng	Trưởng ban	
Ông Huỳnh Văn Tương	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Thám Hoa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Thị Lan Phương	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Long Hỷ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thành Duy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Đăng Thư	Phó Tổng Giám đốc

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Đặng Thị Lan Phương.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đề ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61059820/19356588/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 14 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Ernest Young Chin Kang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1891-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>224.016.026.705</b>	<b>294.016.490.412</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>78.788.165.550</b>	<b>145.129.119.195</b>
111	1. Tiền		47.788.165.550	145.129.119.195
112	2. Các khoản tương đương tiền		31.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>108.461.252.744</b>	<b>115.779.237.944</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	89.448.706.676	97.439.355.452
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.878.905.433	1.857.867.550
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	20.099.749.042	19.441.808.799
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6	(2.966.108.407)	(2.959.793.857)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>12.415.409.554</b>	<b>10.545.904.225</b>
141	1. Hàng tồn kho	7	12.415.409.554	10.545.904.225
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>24.351.198.857</b>	<b>22.562.229.048</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	24.351.198.857	22.562.229.048
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.575.309.234.231</b>	<b>2.789.745.749.341</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.483.900.000</b>	<b>1.109.900.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	1.483.900.000	1.109.900.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.458.225.592.963</b>	<b>2.647.746.359.799</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	2.255.632.097.510	2.426.619.572.105
222	Nguyên giá		3.800.827.435.433	3.930.486.062.532
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.545.195.337.923)	(1.503.866.490.427)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	9	202.393.037.034	220.960.423.950
225	Nguyên giá		297.078.181.752	297.078.181.752
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(94.685.144.718)	(76.117.757.802)
227	3. Tài sản vô hình	10	200.458.419	166.363.744
228	Nguyên giá		1.516.221.000	1.431.221.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.315.762.581)	(1.264.857.256)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>5.404.938.000</b>	<b>23.993.629.074</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.404.938.000	23.993.629.074
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	12	36.000.000.000	36.000.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>74.194.803.268</b>	<b>80.895.860.468</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	72.417.413.655	78.577.289.066
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	1.777.389.613	2.318.571.402
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.799.325.260.936</b>	<b>3.083.762.239.753</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.204.576.014.028</b>	<b>1.567.711.716.433</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>530.685.210.458</b>	<b>735.480.049.339</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		27.557.903.450	46.194.869.417
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.126.066.794	400.653.431
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	27.219.317.042	55.644.997.982
314	4. Phải trả người lao động		4.112.892.255	32.256.531.512
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	13.827.893.556	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	16.959.342.739	91.434.936.447
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	428.816.053.951	469.386.755.066
	<i>Trong đó:</i>			
	- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả		428.816.053.951	469.386.755.066
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.065.740.671	40.161.305.484
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>673.890.803.570</b>	<b>832.231.667.094</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		1.570.668.370	1.315.838.875
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	168.122.531.803	174.146.570.084
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	504.197.603.397	656.769.258.135
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.594.749.246.908</b>	<b>1.516.050.523.320</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.594.749.246.908</b>	<b>1.516.050.523.320</b>
411	1. Vốn cổ phần	19.1	678.591.920.000	678.591.920.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		678.591.920.000	678.591.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	19.1	86.929.263.110	86.929.263.110
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển	19.1	269.310.993.803	268.412.386.757
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.1	559.917.069.995	482.116.953.453
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của kỳ trước		482.116.953.453	418.301.143.183
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		77.800.116.542	63.815.810.270
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.799.325.260.936</b>	<b>3.083.762.239.753</b>



Thái Thị Mộng Tuyền  
Người lập



Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	1.783.130.804.234	2.156.873.307.576
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21, 25	(1.544.768.075.379)	(1.855.544.135.473)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		238.362.728.855	301.329.172.103
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	1.250.655.314	4.372.337.452
22	5. Chi phí tài chính	22	(38.763.024.586)	(37.360.629.155)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(38.763.024.586)	(37.359.477.911)
25	6. Chi phí bán hàng	23, 25	(99.295.060.881)	(98.570.558.949)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23, 25	(61.495.670.409)	(63.834.021.198)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		40.059.628.293	105.936.300.253
31	9. Thu nhập khác	24	73.027.637.830	72.758.116.078
32	10. Chi phí khác	24	(84.908.113)	(90.000)
40	11. Lợi nhuận khác	24	72.942.729.717	72.758.026.078
50	12. Tổng lợi nhuận trước thuế		113.002.358.010	178.694.326.331
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(22.600.471.602)	(35.738.865.266)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.1	(541.181.789)	-
60	15. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		89.860.704.619	142.955.461.065



Thái Thị Mộng Tuyền  
Người lập



Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>113.002.358.010</b>	<b>178.694.326.331</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8, 9, 10	256.931.143.434	236.882.366.260
03	Các khoản dự phòng		6.314.550	1.636.937
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(55.241.136.563)	(78.419.510.193)
06	Chi phí lãi vay	22	38.763.024.586	37.359.477.911
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>353.461.704.017</b>	<b>374.518.297.246</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		6.937.670.650	(6.036.206.707)
10	Tăng hàng tồn kho		(1.869.505.329)	(759.292.767)
11	Giảm các khoản phải trả		(59.110.119.666)	(7.553.329.832)
12	Giảm chi phí trả trước		4.370.905.602	5.386.721.421
14	Tiền lãi vay đã trả		(39.504.048.008)	(37.126.447.370)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(35.341.325.253)	(43.051.090.245)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	5.907.715.842
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(40.257.545.844)	(43.783.848.046)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>188.687.736.169</b>	<b>247.502.519.542</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(71.376.911.328)	(505.577.369.906)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		76.951.818.119	111.059.136.481
27	Lãi tiền gửi nhận được		1.250.570.248	4.372.337.452
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>6.825.477.039</b>	<b>(390.145.895.973)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		52.209.100.000	335.690.500.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(216.698.366.501)	(158.407.102.213)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(28.653.089.352)	(25.478.209.566)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	19.2	(68.711.811.000)	(67.694.404.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(261.854.166.853)</b>	<b>84.110.784.221</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(66.340.953.645)	(58.532.592.210)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		145.129.119.195	258.921.869.788
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	78.788.165.550	200.389.277.578



Thái Thị Mộng Tuyền  
Người lập



Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (“GCNDKKD”) số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNDKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 81/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện hành của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 8.291 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 16.237).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đề ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**2.6 Thông tin so sánh**

Thông tin được trình bày tương ứng cho mục đích so sánh.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### **3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản vô hình**

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.16 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	31.993.536.229	28.848.762.667
Tiền gửi ngân hàng	15.794.629.321	116.280.356.528
Các khoản tương đương tiền (*)	31.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>78.788.165.550</u></b>	<b><u>145.129.119.195</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 5,3%/năm đến 5,4%/năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu khách hàng dùng thẻ taxi	73.968.280.913	72.201.103.149
Phải thu về thanh lý tài sản cố định	5.800.000.000	5.800.000.000
Phải thu tài xế liên quan đến nhượng quyền thương mại và khai thác taxi	2.611.690.000	-
Phải thu tài xế taxi về tiền thu khách vắng lai	1.256.598.350	12.620.541.985
Khác	5.812.137.413	6.817.710.318
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>89.448.706.676</u></b>	<b><u>97.439.355.452</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.031.950.156)	(1.025.635.606)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>88.416.756.520</u></b>	<b><u>96.413.719.846</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	1.025.635.606	1.036.321.929
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	6.314.550	1.636.937
Số cuối kỳ	<b>1.031.950.156</b>	<b>1.037.958.866</b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>20.099.749.042</b>	<b>19.441.808.799</b>
Tạm ứng cho nhân viên	6.692.621.150	6.238.105.139
Thuế thu nhập cá nhân phải thu tài xế và nhân viên	4.413.712.582	6.470.155.912
Phải thu vé máy bay	2.559.225.891	3.422.496.213
Ký quỹ, ký cược	2.487.603.700	1.713.601.200
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phải thu tài xế và nhân viên	1.478.605.051	340.518.688
Khác	2.467.980.668	1.256.931.647
<b>Dài hạn</b>	<b>1.483.900.000</b>	<b>1.109.900.000</b>
Ký quỹ, ký cược	1.483.900.000	1.109.900.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.583.649.042</b>	<b>20.551.708.799</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.934.158.251)	(1.934.158.251)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>19.649.490.791</b>	<b>18.617.550.548</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho thể hiện công cụ, dụng cụ chưa xuất dùng vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	6.161.571.812	3.923.418.954.451	905.536.269	3.930.486.062.532
Mua mới trong kỳ	-	89.632.793.402	153.835.000	89.786.628.402
Thanh lý	-	(219.445.255.501)	-	(219.445.255.501)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	6.161.571.812	3.793.606.492.352	1.059.371.269	3.800.827.435.433
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết	599.826.164	12.464.113.648	579.969.469	13.643.909.281
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.548.037.346	1.500.591.324.756	727.128.325	1.503.866.490.427
Khấu hao trong kỳ	926.957.598	237.325.087.367	60.806.228	238.312.851.193
Thanh lý	-	(196.984.003.697)	-	(196.984.003.697)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	3.474.994.944	1.540.932.408.426	787.934.553	1.545.195.337.923
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.613.534.466	2.422.827.629.695	178.407.944	2.426.619.572.105
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.686.576.868	2.252.674.083.926	271.436.716	2.255.632.097.510
<b>Trong đó:</b>				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 18)	-	1.715.548.035.379	-	1.715.548.035.379

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	<i>VND</i> <i>Phương tiện vận tải</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>297.078.181.752</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	76.117.757.802
Khấu hao trong kỳ	<u>18.567.386.916</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>94.685.144.718</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>220.960.423.950</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>202.393.037.034</u>

**10. TÀI SẢN VÔ HÌNH**

	<i>VND</i> <i>Phần mềm máy tính</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.431.221.000
Mua mới trong kỳ	<u>85.000.000</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>1.516.221.000</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	<i>1.218.289.000</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.264.857.256
Hao mòn trong kỳ	<u>50.905.325</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>1.315.762.581</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>166.363.744</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>200.458.419</u>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>VND</i> <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND</i> <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phương tiện vận tải	<u>5.404.938.000</u>	<u>23.993.629.074</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đầu tư vào công ty con (*)	<u>36.000.000.000</u>	<u>36.000.000.000</u>

(\*) Chi tiết đầu tư vào công ty con như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị đầu tư VND	% sở hữu	Giá trị đầu tư VND	% sở hữu
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	<u>36.000.000.000</u>	90%	<u>36.000.000.000</u>	90%

Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam (“ADX”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0401378832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp vào ngày 10 tháng 9 năm 2010 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện hành của ADX là kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>	<b>24.351.198.857</b>	<b>22.562.229.048</b>
Bảo hiểm vật chất xe	15.333.224.081	14.505.485.137
Phí bảo trì đường bộ	3.206.066.264	4.423.070.000
Phí đăng kiểm xe	1.578.675.001	-
Chi phí quảng cáo	1.099.409.094	721.318.182
Công cụ, dụng cụ đang dùng	657.733.725	988.244.037
Khác	2.476.090.692	1.924.111.692
<b>Dài hạn</b>	<b>72.417.413.655</b>	<b>78.577.289.066</b>
Tiền thuê văn phòng trả trước	53.110.963.348	53.766.654.256
Công cụ, dụng cụ và thiết bị đang dùng	16.503.986.034	21.431.965.462
Chi phí nâng cấp, cải tạo văn phòng	1.985.161.920	2.137.474.007
Phí bảo trì đường bộ	16.422.000	58.041.000
Khác	800.880.353	1.183.154.341
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>96.768.612.512</u></b>	<b><u>101.139.518.114</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Vào ngày 31		VND	
	Vào ngày 31	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Vào ngày 30
	tháng 12 năm 2016		tháng 6 năm 2017	
Thuế giá trị gia tăng	23.668.344.696	131.399.879.224	(139.285.002.544)	15.783.221.376
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.632.181.395	22.600.471.602	(35.341.325.253)	9.891.327.744
Thuế thu nhập cá nhân	9.344.471.891	2.748.713.392	(10.548.417.361)	1.544.767.922
Khác	-	9.900.000	(9.900.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.644.997.982</b>	<b>156.758.964.218</b>	<b>(185.184.645.158)</b>	<b>27.219.317.042</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Lương thưởng tháng 13	10.800.000.000	-
Khác	3,027,893,556	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.827.893.556</b>	<b>-</b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi trả hộ	7.194.192.564	4.022.687.164
Lãi vay phải trả	3.734.337.343	4.475.360.765
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	2.009.472.165	10.600.606.596
Cổ tức phải trả	475.599.000	69.187.410.000
Bảo hiểm vật chất xe	106.890.928	948.347.661
Khác	3.438.850.739	2.200.524.261
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.959.342.739</b>	<b>91.434.936.447</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>9.765.150.175</i>	<i>87.412.249.283</i>
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>7.194.192.564</i>	<i>4.022.687.164</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	111.300.344.876	117.453.339.604
Nhận ký quỹ từ khách hàng	46.435.238.861	43.600.373.471
Dự phòng trợ cấp thôi việc	8.886.948.066	11.592.857.009
Nhận ký quỹ tiền cho thuê mặt bằng	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>168.122.531.803</u></b>	<b><u>174.146.570.084</u></b>

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vay dài hạn từ các ngân hàng (i)	848.382.437.090	1.012.871.703.591
Thuê tài chính (ii)	84.631.220.258	113.284.309.610
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>933.013.657.348</u></b>	<b><u>1.126.156.013.201</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	428.816.053.951	469.386.755.066
+ Vay từ ngân hàng	382.918.980.931	412.563.030.483
+ Nợ thuê tài chính	45.897.073.020	56.823.724.583
Vay và nợ dài hạn	504.197.603.397	656.769.258.135
+ Vay từ ngân hàng	465.463.456.159	600.308.673.108
+ Nợ thuê tài chính	38.734.147.238	56.460.585.027

Tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính trong kỳ như sau:

	VND			
	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong kỳ	Đã trả trong kỳ	Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
Vay ngân hàng	1.012.871.703.591	52.209.100.000	(216.698.366.501)	848.382.437.090
Nợ thuê tài chính	113.284.309.610	-	(28.653.089.352)	84.631.220.258
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.126.156.013.201</u></b>	<b><u>52.209.100.000</u></b>	<b><u>(245.351.455.853)</u></b>	<b><u>933.013.657.348</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

(i) *Vay dài hạn từ các ngân hàng*

Công ty vay các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để mua phương tiện vận tải cho việc kinh doanh dịch vụ taxi. Chi tiết được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (một năm)	Hình thức đảm bảo
	Vay dài hạn đến hạn trả (đến ngày 30/6/2018)	Tổng cộng			
	VND	VND			
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	75.193.328.810	107.827.283.408	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất cơ bản + biên độ từ - 0,6% đến - 1%	865 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	149.894.000.000	143.718.235.000	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 2%	1.517 xe
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	14.665.600.008	34.734.921.863	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất cơ bản + biên độ từ 1,5%	93 xe
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	143.166.052.113	179.183.015.888	48 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất cơ bản VND ba tháng + lãi biên 1,5%	1.353 xe
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>382.918.980.931</b>	<b>465.463.456.159</b>			

Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn đến hạn trả như sau:

Diễn giải	Quý III/ 2017	Quý IV/ 2017	Quý I/ 2018	Quý II/ 2018	Tổng cộng
Thanh toán	106.976.692.010	100.758.758.218	89.876.815.373	85.306.715.330	382.918.980.931

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

(ii) Thuế tài chính

Công ty hiện đang thuê phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế tài chính	
Dưới 1 năm	50.994.379.673	5.097.306.653	63.492.438.443	6.668.713.860	56.823.724.583
Từ 1 - 5 năm	41.183.705.415	2.449.558.177	60.490.233.602	4.029.648.575	56.460.585.027
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>92.178.085.088</b>	<b>7.546.864.830</b>	<b>123.982.672.045</b>	<b>10.698.362.435</b>	<b>113.284.309.610</b>

# Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	678.591.920.000	86.929.263.110	224.072.333.774	418.301.143.183	1.407.894.660.067
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	142.955.461.065	142.955.461.065
Phân phối lợi nhuận	-	-	21.443.319.160	(21.443.319.160)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(19.298.987.244)	(19.298.987.244)
Thù lao của Hội đồng Quản trị	-	-	-	(2.144.331.916)	(2.144.331.916)
và Ban kiểm soát	-	-	-	(702.000.000)	(702.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	678.591.920.000	86.929.263.110	245.515.652.934	517.667.965.928	1.528.704.801.972
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	678.591.920.000	86.929.263.110	268.412.386.757	482.116.953.453	1.516.050.523.320
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	89.860.704.619	89.860.704.619
Phân phối lợi nhuận	-	-	898.607.046	(898.607.046)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(8.986.070.462)	(8.986.070.462)
Thù lao của Hội đồng Quản trị	-	-	-	(1.347.910.569)	(1.347.910.569)
và Ban kiểm soát	-	-	-	(828.000.000)	(828.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	678.591.920.000	86.929.263.110	269.310.993.803	559.917.069.995	1.594.749.246.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu kỳ và cuối kỳ	<u>678.591.920.000</u>	<u>678.591.920.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã trả	68.711.811.000	67.694.404.000

**19.3 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
<b>Cổ phiếu được phép phát hành</b>	67.859.192	678.591.920.000	67.859.192	678.591.920.000
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>				
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	67.859.192	678.591.920.000	67.859.192	678.591.920.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	67.859.192	678.591.920.000	67.859.192	678.591.920.000

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Doanh thu thuần</b>	<u>1.783.130.804.234</u>	<u>2.156.873.307.576</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	1.521.231.948.906	2.103.829.838.193
Doanh thu từ kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	147.906.963.117	30.538.270.011
Doanh thu từ nhượng quyền thương mại và khai thác taxi	101.704.804.972	-
Doanh thu từ bán bất động sản đầu tư	-	14.476.618.182
Khác	12.287.087.239	8.028.581.190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU (tiếp theo)**

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi tiền gửi	1.250.570.248	4.372.337.452
Khác	85.066	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.250.655.314</u></b>	<b><u>4.372.337.452</u></b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	1.352.157.893.491	1.812.391.551.929
Giá vốn dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	116.109.418.873	27.229.551.834
Giá vốn dịch vụ nhượng quyền thương mại và khai thác taxi	65.304.202.983	-
Giá vốn bất động sản đầu tư đã bán	-	8.490.900.000
Khác	11.196.560.032	7.432.131.710
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.544.768.075.379</u></b>	<b><u>1.855.544.135.473</u></b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	38.763.024.586	37.359.477.911
Khác	-	1.151.244
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>38.763.024.586</u></b>	<b><u>37.360.629.155</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>99.295.060.881</b>	<b>98.570.558.949</b>
Chi phí nhân viên	44.395.730.755	50.387.960.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.679.698.759	41.628.515.657
Khác	7.219.631.367	6.554.082.676
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>61.495.670.409</b>	<b>63.834.021.198</b>
Chi phí nhân viên	37.568.474.736	35.064.080.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.597.821.710	16.347.208.213
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.989.305.923	1.000.112.340
Khác	3.340.068.040	11.422.620.373
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>160.790.731.290</b>	<b>162.404.580.147</b>

**24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>73.027.637.830</b>	<b>72.758.116.078</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	53.990.566.315	68.061.454.559
Thu nhập từ quảng cáo trên taxi	17.919.112.346	2.996.829.727
Khác	1.117.959.169	1.699.831.792
<b>Chi phí khác</b>	<b>(84.908.113)</b>	<b>(90.000)</b>
Khác	(84.908.113)	(90.000)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>72.942.729.717</b>	<b>72.758.026.078</b>

**25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
Chi phí nguyên nhiên liệu	418.623.318.585	468.148.788.924
Chi phí nhân viên	893.683.968.946	1.171.997.644.896
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8, 9 và 10)	256.931.143.434	236.882.366.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.967.498.800	89.957.683.743
Khác	36.352.876.904	50.962.231.797
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.705.558.806.669</b>	<b>2.017.948.715.620</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.600.471.602	35.738.865.266
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	541.181.789	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.141.653.391</b>	<b>35.738.865.266</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>113.002.358.010</b>	<b>178.694.326.331</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	22.600.471.602	35.738.865.266
Điều chỉnh khác	541.181.789	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>23.141.653.391</b>	<b>35.738.865.266</b>

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

		VND		
		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>		
		<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
Dự phòng trợ cấp thôi việc		1.777.389.613	2.318.571.402	(541.181.789)
				-

**27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ bao gồm:

		VND		
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Công ty con	Chi phí trả hộ	4.937.047.637	3.774.395.817

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

		VND		
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Công ty con	Chi phí trả hộ	7.194.192.564	4.022.687.164

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

		VND	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lương và thưởng		1.571.520.000	1.343.070.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê một số văn phòng và xưởng sửa chữa xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Dưới 1 năm	6.004.155.943	4.553.021.327
Từ 1 - 5 năm	5.550.338.304	4.563.376.532
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.554.494.247</b>	<b>9.116.397.859</b>

**29. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ**

Công ty bắt đầu áp dụng mô hình kinh doanh mới từ tháng 4 năm 2017: nhượng quyền thương mại và khai thác taxi. Theo đó, Công ty và một số tài xế đã ký kết hợp đồng với thời hạn 1 năm, cụ thể, Công ty trao quyền chủ động kinh doanh cho tài xế mà không quản lý doanh thu trên đồng hồ, và tài xế chịu trách nhiệm tự đổ xăng và thực hiện các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Đổi lại, các tài xế này phải trả cho Công ty một mức phí cố định theo ngày. Mức phí này bao gồm phí khấu hao và bảo trì sửa chữa xe, các chi phí bảo hiểm, phí sử dụng phần mềm ứng dụng Vinasun App và các thiết bị, và các chi phí khác. Các tài xế này trở thành đối tác và không còn là nhân viên của Công ty kể từ thời điểm hợp đồng nhượng quyền thương mại và khai thác taxi có hiệu lực.

**30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ



Thái Thị Mộng Tuyền  
Người lập



Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017